

Số: 4851/UBND-TH

Bình Định, ngày 07 tháng 10 năm 2015

V/v báo cáo kết quả trồng rừng thay
thế diện tích rừng chuyển mục đích
sử dụng sang mục đích khác.

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1289/TCLN-KHTC ngày 10/9/2015 về việc báo cáo kết quả trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỒNG RỪNG THAY THẾ

Tổng diện tích trồng rừng thay thế đến ngày 10/9/2015 trên địa bàn tỉnh Bình Định là 503,59 ha; trong đó: Dự án Thủy điện là 60,69 ha; Dự án Khai thác khoáng sản là 432,10 ha và Dự án Xây dựng trang trại nuôi heo công nghiệp-công nghệ cao là 10,8 ha.

Ước thực hiện năm 2015 (Từ ngày 15/9/2015 đến 31/12/2015) là 118,46 ha; trong đó: Dự án thủy điện là 29,06 ha và các dự án khác (ngoài thủy điện) là 89,4 ha.

1. Diện tích trồng rừng thay thế đối với các dự án Thủy điện

a) Dự án Thủy điện Ken Lút Hạ: Diện tích trồng rừng thay thế là 31,82 ha; năm 2014, đơn vị đã nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh và đã tổ chức triển khai trồng rừng với diện tích 31,82 ha, đạt 100% kế hoạch.

b) Dự án Thủy điện Trà Xom, diện tích trồng rừng thay thế là 57,93 ha do chủ dự án trực tiếp quản lý, lựa chọn các tổ chức có đủ chức năng, năng lực để thực hiện thi công trồng, chăm sóc rừng. Năm 2014, Công ty cổ phần Thủy điện Trà Xom đã thực hiện trồng và chăm sóc năm thứ nhất với diện tích 28,87ha, đạt 49,8% kế hoạch. Diện tích còn lại 29,06 ha không thực hiện được, do trong quá trình thực hiện có sự tranh chấp đất với các hộ gia đình ở địa phương. Để thực hiện trồng rừng thay thế theo quy định, năm 2015 Ủy ban nhân dân tỉnh đã cho chủ trương cho phép chuyển địa điểm trồng rừng diện tích còn lại 29,06 ha sang vị trí khác và đồng ý cho Công ty cổ phần Thủy điện Trà Xom nộp tiền trồng rừng thay thế diện tích nêu trên với số tiền là 1.595.793.835 đồng vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để Quỹ thực hiện trồng rừng thay thế diện tích 29,06 ha trong năm 2015.

(chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

2. Diện tích trồng rừng thay thế của các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (ngoài thủy điện)

a) Dự án Xây dựng trang trại nuôi heo công nghiệp-công nghệ cao năm 2014 đã trồng với diện tích là 10,8 ha;

b) Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi, năm 2015 sẽ trồng với diện tích là 10,3 ha;

c) Dự án mở đường lâm nghiệp kết hợp đường băng cản lửa và đường tuần tra bảo vệ rừng, năm 2015 sẽ trồng với diện tích là 1,1 ha.

d) Dự án xây dựng xưởng chế biến gạch block, năm 2015 sẽ trồng với diện tích là 2,0 ha.

đ) Các dự án khai thác khoáng sản: Đã trồng rừng đến năm 2014 là 432,1 ha; do thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác xong hoàn thổ mới trồng lại rừng. Diện tích trồng rừng năm 2015 ước thực hiện là 76,0 ha; trong đó: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại khoáng sản Ban Mai là 7,0 ha; Công ty cổ phần Thanh niên là 3,0 ha; Công ty TNHH Tấn Phát là 15,0 ha; Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy là 5,6 ha; Công ty cổ phần Khoáng sản BIOTAN là 5,0 ha; Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Nhơn Lộc là 5,0 ha; Công ty cổ phần Thuận Thời là 6,4 ha; Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định là 13,3 ha; Công ty TNHH Phú Hiệp là 13,2 ha; Công ty cổ phần An Trường An là 2,5 ha.

e) Đối với một số doanh nghiệp không có điều kiện để thực hiện trồng rừng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cho phép nộp tiền cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh đã tiếp nhận số tiền do chủ dự án nộp, quản lý, giải ngân theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền để trồng rừng.

(chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

II. NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN

1. Các dự án khai thác khoáng sản có thời gian dài; khai thác theo hình thức cuốn chiếu theo lô; khai thác xong, hoàn thổ và trồng lại rừng. Sau đó, mới thuê đất lô tiếp theo. Do đó, tiến độ trồng rừng thay thế chậm và việc kiểm tra thực hiện trồng rừng thay thế gặp khó khăn;

2. Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã tiến hành hoàn thổ, phục hồi môi trường sau từng giai đoạn khai thác. Tuy nhiên, vẫn còn doanh nghiệp do ý thức bảo vệ môi trường còn hạn chế, nên chưa tuân thủ nghiêm túc việc trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản. Một số doanh nghiệp do chạy theo lợi nhuận nên chưa thực hiện đúng các nội dung đã cam kết, quá trình khai thác không triệt để nên thường xảy ra tình trạng khai thác đi, khai thác lại, từ đó gây chậm trễ trong việc trồng cây, phục hồi môi trường; qua kiểm tra công tác trồng rừng một số doanh nghiệp chưa thực hiện theo hướng dẫn về trình tự, thủ tục lập hồ sơ thiết kế trồng, chăm sóc rừng, nghiệm thu và bàn giao rừng sau khai thác titan.

3. Một số chủ đầu tư do năng lực tài chính còn hạn chế nên giải quyết kinh phí trồng rừng thay thế chưa kịp thời.

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016

Dự kiến Kế hoạch trồng rừng năm 2016 là 78,0 ha; trong đó:

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khoáng sản Ban Mai: 6,0 ha;
2. Công ty cổ phần Thanh Niên: 1,0 ha;
3. Công ty TNHH Tấn Phát: 14,0 ha;
4. Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy: 5,0 ha;
5. Công ty TNHH Vạn Đại: 14,2 ha;
6. Công ty cổ phần Khoáng sản BIOTAN: 3,0 ha;
7. Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định: 15,0 ha;
8. Công ty cổ phần Kim Triều: 19,8 ha.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Thị Thu Hà;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (7b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Thu Hà

Phụ lục I
KẾT QUẢ TRỒNG RỪNG THAY THẾ CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG XÂY DỰNG THỦY ĐIỆN
 (Kèm theo Văn bản số **4851/UBND-TH** ngày **07** tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh)



TT	Tên dự án	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Đã thực hiện đến 31/12/2014				Năm 2015						Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Ghi chú
			Đã thực hiện			Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 10/9/2015					Ước thực hiện đến 31/12/2015 (ha)		
			Đã trồng (ha)	Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh		Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh						
								Diện tích (ha)	Số tiền (Tr.đ)	Kết quả giải ngân (Tr.đ)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Bình Định	89,75	60,69	89,75		29,06	0	0	29,06	1.596	1.596	29,06	0	0
1	Dự án Thủy điện Trà Xom	57,93	28,87	57,93		29,06			29,06	1.596	1.596	29,06		
2	Dự án Thủy điện Ken Lút Hạ	31,82	31,82	31,82										

Phụ lục II
KẾT QUẢ TRỒNG RỪNG THAY THẾ CỦA CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG
MỤC ĐÍCH KHÁC (NGOÀI THỦY ĐIỆN)
(Kèm theo Văn bản số 485/UBND-TH ngày 07 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh)

TT	Tên dự án	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Lũy kế đến 31/12/2014				Năm 2015						Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Ghi chú
			Đã thực hiện			Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 10/9/2015				Ước thực hiện đến 31/12/2015 (ha)			
			Đã trồng (ha)	Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh		Đã trồng (ha)	Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	Diện tích (ha)		Số tiền (Tr.đ)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Bình Định	1.438,7	442,9	209,6		995,8		41,6	0,5	116,1	116,1	89,4	938,2	
A	Các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng với mục đích kinh doanh	209,6	10,8	209,6	0,0	198,8	0,0	41,6	0,0	86,1	86,1	12,3	217,8	
1	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng- Công ty TNHH 28/7 Bình Định	14,5		14,5		14,5							14,5	
2	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng- Công ty TNHH A & B	29,7		29,7		29,7							29,7	
3	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng- Công ty TNHH khoáng sản Thủy Tiên	42,2		42,2		42,2							42,2	

TT	Tên dự án	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Lũy kế đến 31/12/2014				Năm 2015						Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Ghi chú
			Đã thực hiện			Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 10/9/2015				Ước thực hiện đến 31/12/2015 (ha)			
			Đã trồng (ha)	Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh		Đã trồng (ha)	Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh					
									Diện tích (ha)	Số tiền (Tr.đ)	K.q giải ngân (Tr.đ)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng - Công ty TNHH Khoáng sản Hữu Bích	23,0		23,0		23,0							23,0	
5	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng - Công ty cổ phần Đại Tín	15,4		15,4		15,4							15,4	
6	Đầu tư xây dựng công trình khai thác đá - Công ty CP giao thông thủy bộ Bình Định	15,4		15,4		15,4							15,4	
7	Đầu tư XD trang trại nuôi heo công nghiệp-công nghệ cao, Công ty TNHH thiết bị Phú Hưng	10,8	10,8	10,8		0,0							0,0	
8	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng - Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Nhơn Lộc	3,3		3,3		3,3							3,3	

TT	Tên dự án	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Lũy kế đến 31/12/2014				Năm 2015						Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Ghi chú
			Đã thực hiện			Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 10/9/2015				Ước thực hiện đến 31/12/2015 (ha)			
			Đã trồng (ha)	Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh		Đã trồng (ha)	Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh					
									Diện tích (ha)	Số tiền (Tr.đ)	K.q giải ngân (Tr.đ)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và XD Bảo Thắng	2,0		2,0		2,0							2,0	
10	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng - Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh vật liệu xây dựng Fico	10,1		10,1		10,1							10,1	
11	Khai thác và chế biến đá - Doanh nghiệp tư nhân Vân Trường	4,9		4,9		4,9							4,9	
12	Đầu tư XD công trình khai thác lộ thiên đá xây dựng - Công ty TNHH Vạn Đại	12,0		12,0		12,0							12,0	
13	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng - Công ty TNHH XD TH Kim Thành	16,0		16,0		16,0							16,0	

TT	Tên dự án	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Lũy kế đến 31/12/2014				Năm 2015						Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Ghi chú
			Đã thực hiện			Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 10/9/2015				Ước thực hiện đến 31/12/2015 (ha)			
			Đã trồng (ha)	Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh		Đã trồng (ha)	Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh					
									Diện tích (ha)	Số tiền (Tr.đ)	K.q giải ngân (Tr.đ)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
14	Xây dựng trang trại chăn nuôi- Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư	10,3		10,3		10,3		10,3				10,3	0,0	
15	Khai thác đất - Công ty cổ phần Tập đoàn Phúc Lộc							19,3					19,3	
16	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng - Công ty cổ phần Khoáng sản và XL Nhơn Hòa							5,2					5,2	
17	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng - Công ty TNHH Tấn Phát							3,8					3,8	
18	Xưởng chế biến gạch Block - Công ty cổ phần XD và XNK Tiến Thành							2,0				2,0	0,0	
19	Xưởng sơ chế nông sản sau thu hoạch - Công ty TNHH TM Lâm Sanh							1,0		86,1	86,1		1,0	

TT	Tên dự án	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Lũy kế đến 31/12/2014				Năm 2015						Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Ghi chú
			Đã thực hiện			Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 10/9/2015				Ước thực hiện đến 31/12/2015 (ha)			
			Đã trồng (ha)	Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh		Đã trồng (ha)	Đã phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế (ha)	Đã nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh					
									Diện tích (ha)	Số tiền (Tr.đ)	K.q giải ngân (Tr.đ)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B	Các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng với mục đích công cộng	1.229,1	432,1			797,0			0,5	30,0	30,0	77,1	720,4	
1	Mở đường lâm nghiệp kết hợp đường băng cản lửa và đường tuần tra rừng - Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn	1,1		1,1		1,1						1,1	0,0	
2	Lưới điện Miền Trung								0,5	30,0	30,0		0,5	
3	Các dự án khác	1.228,0	432,1			795,9						76,0	719,9	